TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA

Bản án số: 13/2019/DSST
Ngày: 26-6-2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Huy

- Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Quang Vinh
2. Ông Đặng Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa *tham gia phiên tòa*: Ông Bùi Văn Khánh - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2019/TLST-DS, ngày 22 tháng 01 năm 2019, về: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm: 1973
Nơi cư trú: Tổ dân phố Lộc Trường, phường Cam Lộc, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm: 1985
Địa chỉ: Tổ dân phố Ngô Mây, phường Ba Ngòi, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.
Là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 08 tháng 01 năm 2019). (Bà Trang có đơn xét xử vắng mặt)

Bị đơn:
Bà Ngô Thị N, sinh năm: 1972
Ông Huỳnh Ngọc B, sinh năm: 1972
Cùng cư trú: Tổ dân phố Sơn Long, phường Ba Ngòi, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/01/2019, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn Nguyễn Thị Minh T trình bày: Do quen biết nên ngày 22/10/2018, bà Nguyễn Ngọc Đ có cho vợ chồng bà Ngô Thị N và ông Huỳnh Ngọc B vay 170.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng. Vợ chồng bà N, ông B hẹn 03 ngày sau sẽ hoàn trả lại cho bà Đ số tiền trên. Tuy nhiên đến hạn trả nợ bà Đ đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà N, ông B phải trả nợ nhưng ông bà cứ chây ỳ không trả. Vì vậy bà Đ yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết buộc bà N, ông B phải trả 1 lần toàn bộ số tiền đã vay của bà là 170.000.000 đồng, bà không yêu cầu lãi.

Tại bản tự khai ngày 28/3/2019, bị đơn bà Ngô Thị N trình bày: Bà có làm ăn chung với bà Đ và còn nợ bà Đ 170.000.000 đồng. Do làm ăn thua lỗ, nay bà Đ yêu cầu trả 1 lần số tiền 170.000.000đồng thì bà không đồng ý mà xin trả như sau:

- 05 tháng đầu trả 25.000.000 đồng, mỗi tháng trả 5.000.000 đồng kể từ tháng 4/2019 đến tháng 8/2019. Số tiền còn lại 145.000.000 đồng sẽ trả trong tháng 9/2019.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; Bị đơn bà Ngô Thị N, ông Huỳnh Ngọc B chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, vắng mặt tại phiên tòa. Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Ngọc Đ buộc bà Ngô Thị N, ông Huỳnh Ngọc B phải trả lại cho bà Đ 170.000.000 đồng. Bà N, ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

Giấy mượn tiền ngày 22/10/2018; Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Hoàng Anh Minh; Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Ngọc Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Bà Nguyễn Ngọc Đ có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa giải quyết buộc bà Ngô Thị N, ông Huỳnh Ngọc B phải trả cho bà số tiền vay. Theo qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

[1.2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Bị đơn bà Ngô Thị N, ông Huỳnh Ngọc B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để xét xử nhưng bà N, ông B vắng mặt không có lý do. Đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, áp dụng khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà N, ông B, bà Trang.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] Căn cứ vào giấy vay tiền lập ngày 22/10/2018 do nguyên đơn cung

cấp có cơ sở xác định: Trong ngày 22/10/2018 bà Đ có cho bà N, ông B vay số tiền 170.000.000 đồng, giấy mượn tiền không có thỏa thuận về lãi suất nhưng có thể hiện về thời gian trả nợ vay là 03 ngày kể từ ngày 22/10/2018 bà N, ông B sẽ trả đúng hẹn. Đến hạn trả nợ bà Đ đã nhiều lần yêu cầu bà N, ông B phải trả nợ nhưng bà cứ chây ỳ không trả. Vì vậy bà Đ yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết buộc bà N, ông B phải trả 1 lần toàn bộ số tiền đã vay của bà là 170.000.000 đồng, bà không yêu cầu lãi.

Bà Ngô Thị N thừa nhận có nợ của bà Nguyễn Ngọc Đ 170.000.000 đồng nhưng do làm ăn thua lỗ bà không trả nợ theo đúng hẹn và xin trả 25.000.000 đồng trong 05 tháng đầu, mỗi tháng trả 5.000.000 đồng kể từ tháng 4/2019 đến tháng 8/2019, số tiền còn lại 145.000.000 đồng sẽ trả trong tháng 9/2019 nhưng đại diện hợp pháp của nguyên đơn không chấp nhận nên không có cơ sở xem xét.

[2.2] Về nghĩa vụ trả nợ:

Đối với giấy mượn tiền lập ngày 22/10/2018 giữa các bên, bà N, ông B hứa sẽ trả đầy đủ sau 3 ngày và có ký vào giấy mượn tiền nên bà N, ông B có nghĩa vụ trả cho bà Đ 170.000.000 đồng. Đến hạn trả nợ, bà N, ông B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Hội đồng xét xử xét thấy việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ kéo dài, không có thiện chí trả nợ ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, bà Đ khởi kiện yêu cầu bà N, ông B phải trả cho bà Đ số tiền 170.000.000 đồng là có căn cứ theo Điều 463; Điều 466; Điều 470 Bộ luật dân sự nên chấp nhận.

[2.3] Về lãi suất: Bà Đ không yêu cầu nên không xét.

[2.4] Về án phí: Bà N, ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của bà Đ được Tòa án chấp nhận theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể: Bà Ngô Thị N, ông Huỳnh Ngọc B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 170.000.000đ x 5% = 8.500.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 470 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Ngọc Đ.

Buộc bà Ngô Thị N, ông Huỳnh Ngọc B phải trả cho bà Nguyễn Ngọc Đ 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng).

2. *Về án phí*: Bà Ngô Thị N, ông Huỳnh Ngọc B phải nộp 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Ngọc Đ 4.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2018/0000232, ngày 15/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

3. *Quy định*: Kể từ ngày bà Nguyễn Ngọc Đ có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Ngô Thị N, ông Huỳnh Ngọc B chưa thi hành xong khoản tiền phải trả cho bà Nguyễn Ngọc Đ. Hàng tháng, bà Ngô Thị N, ông Huỳnh Ngọc B còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy đinh tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền nợ gốc và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bà Nguyễn Thị Minh T, bà Ngô Thị N, ông Huỳnh Ngọc B có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đình Huy

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Khánh Hòa
- VKSND thành phố C
- Chi cục THADS thành phố C
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án, AV.